

Bản án số: 06/2020/DS - ST
Ngày 05 tháng 5 năm 2020
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Lâm

2. Ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2020/QĐXXST - DS ngày 21/01/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2020/QĐST-DS ngày 20/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Hắc D, sinh năm 1976. Địa chỉ: K đường N, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Lê V, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số K đường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Xuân P - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV ... - Chi nhánh Đà Nẵng (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1981 và bà Đỗ Thị Phương Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: K đường L, phường V, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1979. Địa chỉ: K đường N, phường T quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Lê V, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số K đường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 09/9/2019, bản tự khai và trình bày tại phiên tòa của đại diện theo của nguyên đơn thể hiện:

Vào ngày 03/01/2018, ngày 09/01/2018, ngày 18/12/2018 vợ chồng ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ có vay tiền và viết giấy vay tiền của vợ chồng ông Hồ Hắc D, bà Nguyễn Thị Ngọc O 03 đợt, cụ thể:

Vào ngày 03 tháng 01 năm 2018, vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Đỗ Thị Phương Đ có mượn của vợ chồng ông Hồ Đắc D, bà Nguyễn Thị Ngọc O số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng) và hẹn 60 ngày (là ngày 03/03/2018) sẽ trả đầy đủ gốc. Mặc dù giấy nhận nợ do một mình bà Đ viết nhưng vợ chồng ông D giao tiền tại Tiệm Spa của họ tại K đường đường T, thành phố Đà Nẵng cho cả hai vợ chồng cùng nhận. Đến ngày 03/03/2019, vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Đỗ Thị Phương Đ tiếp tục vay thêm của tôi số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Khoản vay này không tính lãi. Tổng số tiền vợ chồng ông C, bà Đ mượn của vợ chồng ông D, bà O từ ngày 03/01/2018 đến ngày 03/03/2019 là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Từ đó, đến nay hai vợ chồng ông C, bà Đ chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho vợ chồng ông D.

Vào ngày 09 tháng 01 năm 2018, ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ có vay viết giấy vay vợ ông D số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất là 2%/1 tháng, thời hạn vay là 30 ngày (kể từ ngày ký giấy vay tiền), ngày trả nợ là 09/02/2018. Cũng như đợt mượn trước giấy vay tiền một mình bà Đỗ Thị Đ ký nhưng là hai vợ chồng ông C, bà Đ trực tiếp nhận tiền. Từ đó, đến nay hai vợ chồng ông C, bà Đ chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho vợ chồng ông D, bà O.

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2018, ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ có vay viết giấy vay vợ chồng tôi số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), lãi suất là 2%/1 tháng, thời hạn vay 10 ngày (kể từ ngày ký giấy vay tiền), ngày trả nợ là 28/12/2018, giấy nhận nợ có cả chữ ký của cả hai vợ chồng. Tuy nhiên khi đến hạn cam kết trả nợ ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ đã không thực hiện đúng cam kết, mặc dù ngày 28/12/2018 vợ chồng ông D, bà O có gặp vợ chồng ông C, bà Đ yêu cầu trả tiền nhưng ông C, bà Đ cố tình trốn tránh không thực hiện việc trả nợ cho vợ chồng ông D, bà O.

Nay để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ phải trả cho vợ chồng ông D, bà

O số tiền còn nợ là 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ, để biết việc ông Hồ Đắc D gửi đơn khởi kiện đến Tòa án. Đồng thời, Tòa án đã thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định về việc đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đối với ông C, bà Đ nhưng ông C, bà Đ không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại các phiên hoà giải cũng như hai lần mở phiên tòa.*

- Theo bản văn bản trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị Ngọc O và trình bày tại phiên tòa của đại diện theo ủy quyền thể hiện:

Thông nhất với nội dung khởi kiện của ông Hồ Hắc D, cụ thể:

Vào ngày 03/01/2018, ngày 09/01/2018, ngày 18/12/2018 vợ chồng ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ có vay tiền và viết giấy vay tiền của vợ chồng ông Hồ Hắc D, bà Nguyễn Thị Ngọc O 03 đợt, cụ thể:

Vào ngày 03 tháng 01 năm 2018, vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Đỗ Thị Phương Đ có mượn của vợ chồng ông Hồ Đắc D, bà Nguyễn Thị Ngọc O số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng) và hẹn 60 ngày (là ngày 03/03/2018) sẽ trả đầy đủ gốc. Mặc dù giấy nhận nợ do một mình bà Đ viết nhưng vợ chồng ông D giao tiền tại Tiệm Spa của họ tại K đường T, thành phố Đà Nẵng cho cả hai vợ chồng cùng nhận. Đến ngày 03/03/2019, vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Đỗ Thị Phương Đ tiếp tục vay thêm của tôi số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Khoản vay này không tính lãi. Tổng số tiền vợ chồng ông C, bà Đ mượn của vợ chồng ông D, bà O từ ngày 03/01/2018 đến ngày 03/03/2019 là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Từ đó, đến nay hai vợ chồng ông C, bà Đ chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho vợ chồng ông D.

Vào ngày 09 tháng 01 năm 2018, ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ có vay viết giấy vay vợ chồng tôi số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất là 2%/1 tháng, thời hạn vay là 30 ngày (kể từ ngày ký giấy vay tiền), ngày trả nợ là 09/02/2018. Cũng như đợt mượn trước giấy vay tiền một mình bà Đỗ Thị Đ ký nhưng là hai vợ chồng ông C, bà Đ trực tiếp nhận tiền. Từ đó, đến nay hai vợ chồng ông C, bà Đ chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho vợ chồng ông D, bà O.

Vào ngày 18 tháng 12 năm 2018, ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ có vay viết giấy vay vợ chồng tôi số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu), lãi suất là 2%/1 tháng, thời hạn vay 10 ngày (kể từ ngày ký giấy vay tiền), ngày trả nợ là 28/12/2018, giấy nhận nợ có cả chữ ký của cả hai vợ chồng. Tuy nhiên khi đến hạn cam kết trả nợ ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ đã không thực hiện

đúng cam kết, mặc dù ngày 28/12/2018 vợ chồng ông D, bà O có gặp vợ chồng ông C, bà Đ yêu cầu trả tiền nhưng ông C, bà Đ cố tình trốn tránh không thực hiện việc trả nợ cho vợ chồng ông D, bà O.

Số tiền cho ông Nguyễn Duy C, bà Đỗ Thị Phương Đ vay là tài sản chung của vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà Đ phải trả cho vợ chồng ông D, bà O số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) không yêu cầu lãi.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Đỗ Thị Phương Đ trả cho vợ chồng ông Hồ Hắc D, bà Nguyễn Thị Ngọc O số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) không yêu cầu lãi.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã căn cứ vào khoản 6 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tòa án đã tiến hành việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo theo các Điều: 171, 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự:

+ Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền lợi nghĩa vụ của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng;

+ Bị đơn ông Nguyễn Duy C, bà Đỗ Thị Phương Đ mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo đúng trình tự do pháp luật quy định, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều: 70, 71, 72 và 227 Bộ luật tố Tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Đỗ Thị Phương Đ trả cho vợ chồng ông Hồ Hắc D và bà Nguyễn Thị Ngọc O số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 28/12/2018.

Buộc bà Đỗ Thị Phương Đ trả cho vợ chồng ông Hồ Hắc D và bà Nguyễn Thị Ngọc O số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) theo 02 giấy mượn tiền ngày 03/1/2018 và giấy mượn tiền ngày 09/01/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ có địa chỉ cư trú tại: K đường L, phường V, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do đó căn cứ vào Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Đắc D nộp đúng trình tự thủ tục; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ đã được Tòa án niêm yết, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đồng thời đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng bị đơn không có văn bản phản hồi, không tham gia trong quá trình tố tụng và không có yêu cầu phản tố, cả 03 lần Tòa án mở phiên tòa đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ.

Về nội dung vụ án:

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tranh tụng tại phiên tòa thể hiện:

Theo các giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp thì vào ngày 03/01/2018 ngày 09/01/2018 và ngày 18/12/2018 vợ chồng ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ có mượn tiền và viết giấy mượn tiền của vợ chồng ông Hồ Hắc D, bà Nguyễn Thị Ngọc O 03 đợt, cụ thể:

Ngày 03 tháng 01 năm 2018 bà Đỗ Thị Phương Đ là người đứng ra mượn tiền và viết giấy mượn tiền của ông Hồ Đắc D tiền 50.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng) và hẹn 02 tháng sau sẽ trả; Đến ngày 03/03/2019 bà Đỗ Thị Phương Đ tiếp tục mượn thêm số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Tổng số tiền bà Đ mượn ngày 03/01/2018 và ngày 03/03/2019 là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Ngày 09 tháng 01 năm 2018 bà Đỗ Thị Phương Đ là người đứng ra mượn tiền và viết giấy mượn của ông Hồ Hắc D số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), hẹn 30 ngày sau hoàn trả.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ có mượn và viết giấy mượn tiền của ông Hồ Hắc D số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) hẹn 10 ngày sau sẽ trả.

[4] Xét thấy: Tại các giấy mượn tiền đề ngày 03/01/2018 và giấy mượn tiền ngày 09/01/2018 thể hiện người mượn tiền là bà Đỗ Thị Phương Đ và giấy mượn tiền đề ngày 18/12/2018 thể hiện người mượn tiền là vợ chồng ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ với số tổng số tiền là 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng). Như vậy đây là Hợp đồng vay tài sản được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Mặc dù tại các giấy mượn tiền đề ngày 03/01/2018 và giấy mượn tiền ngày 09/01/2018 thể hiện người mượn tiền và ký nhận là bà Đỗ Thị Phương Đ. Tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa vợ chồng ông Hồ Hắc D và vợ chồng ông Nguyễn Duy C có quan hệ quen biết và làm ăn với nhau từ lâu việc vay mượn tiền của ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ diễn ra nhiều lần, những lần mượn tiền và giao nhận tiền đều có mặt của cả hai vợ chồng, mục đích của việc mượn tiền là để kinh doanh cho gia đình nên có cơ sở để khẳng định khoản nợ mà bà Đỗ Thị Phương Đ trực tiếp ký nhận thể hiện tại các giấy mượn ngày 03/1/2018 và 09/01/2018 với số tiền là 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) là khoản nợ chung của vợ chồng ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ. Do đó ông Nguyễn Duy C phải chịu trách nhiệm đối với khoản nợ này cùng với bà Đỗ Thị Phương Đ là phù hợp với Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tòa án đã thông báo cho bị đơn ông Nguyễn Duy C, bà Đỗ Thị Phương Đ biết việc khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn đã không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp chứng cứ để chứng minh đã trả một phần hay toàn bộ số tiền đã mượn của nguyên đơn cũng như khoản nợ mà một mình bà Đ đứng ra giao dịch vay mượn.

Căn cứ vào cam kết trả nợ của ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ tại 03 giấy mượn tiền ngày 03/1/2018, giấy mượn tiền ngày 09/1/2018 và giấy mượn tiền ngày 18/12/2018 thì đến nay vợ chồng ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ đã vi phạm cam kết trả nợ.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hồ Hắc D và bà Nguyễn Thị Ngọc O khẳng định số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) mà vợ chồng ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ mượn là tài sản chung của vợ

ông bà nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà Đ phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận là phù hợp với Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Từ những nhận định trên. Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cần buộc bị đơn ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 650.000.000đ (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*) cho ông Hồ Hắc D và bà Nguyễn Thị Ngọc O là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự và các Điều 27, 33 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ ông Hồ Hắc D và bà Nguyễn Thị Ngọc O không yêu cầu ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ phải trả lãi chậm thanh toán đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) là khoản nợ chung của vợ chồng ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ phải trả cho vợ chồng ông Hồ Hắc D số tiền 650.000.000 đồng thể hiện ở 03 giấy mượn tiền 03/01/2018, ngày 09/1/2018 và ngày 28/12/2018.

Hội đồng xét xử nhận thấy phần trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng ông Nguyễn Duy C, bà Đỗ Thị Phương Đ trả cho vợ chồng ông Hồ Hắc D và bà Nguyễn Thị Ngọc O số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) theo giấy mượn tiền ngày 28/12/2018. Buộc bà Đỗ Thị Phương Đ trả cho vợ chồng ông Hồ Hắc D và bà Nguyễn Thị Ngọc O số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) theo 02 giấy mượn tiền ngày 03/1/2018 và giấy mượn tiền ngày 09/01/2018 là không phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[9] Ngày 11 tháng 10 năm 2019 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã ra Quyết định áp dụng biện pháp cấm xuất cảnh đối với ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ số 182/2019/QQD-BPKCTT với thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày 11/10/2019 đến ngày 11/4/2020; ngày 07 tháng 4 năm 2020 Hội đồng xét xử ra Quyết định áp dụng biện pháp cấm xuất cảnh đối với ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ số 182/2020/QQD-BPKCTT với thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày

12/4/2019 đến ngày 12/6/2020. Do vậy cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 182/2019/QĐ-BPKCTT ngày 07/4/2020.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Buộc bị ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

- Hoàn trả cho ông Hồ Hắc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.750.000 đồng (*mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" của ông Hồ Hắc D đối với ông Nguyễn Duy Cương và bà Đỗ Thị Phương Đ.

Buộc ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ phải trả cho ông Hồ Hắc D và bà Nguyễn Thị Ngọc O số tiền 650.000.000đ (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Duy C và bà Đỗ Thị Phương Đ phải chịu án phí DS-ST: 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*).

- Hoàn trả cho ông Hồ Hắc D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.750.000 đồng (*mười ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0005167 ngày 24/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Đà Nẵng;
- VKS ND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Khánh